

Số: 139/HD-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2017

HƯỚNG DẪN
Thực hiện trợ cấp xã hội

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 28/8/1998 Quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư Liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ;

Nhà trường hướng dẫn thủ tục làm thủ tục trợ cấp xã hội đối với sinh viên đang theo học tại trường như sau:

1. Đối tượng, mức trợ cấp và hồ sơ

| TT | Đối tượng | Trợ cấp (đ/tháng) | Hồ sơ cần phải nộp | Ghi chú |
|----|---|----------------------|--|-----------------------------|
| 1 | Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa | 100.000 | - Đơn xin TCXH (theo mẫu của phòng CTSV) - Giấy chứng tử của Cha và Mẹ hoặc giấy khai sinh | Nộp 1 bộ hồ sơ đầu khóa học |
| 2 | Sinh viên tàn tật thuộc đối tượng hộ nghèo/cận nghèo | 100.000 | - Đơn xin TCXH (theo mẫu của phòng CTSV) - Giấy giám định y khoa. - Giấy chứng nhận hộ nghèo tương ứng với năm xét duyệt hồ sơ (Bản sao có công chứng). | Nộp hồ sơ theo từng học kỳ |
| 3 | SV là người dân tộc ít người thường trú trên 3 năm tại vùng cao | 140.000 | - Đơn xin TCXH (theo mẫu của phòng CTSV) - Giấy chứng nhận dân tộc do chính quyền địa phương cấp hoặc Giấy khai sinh. | Nộp 1 bộ hồ sơ đầu khóa học |
| 4 | Sinh viên hộ nghèo | 100.000 | - Đơn xin TCXH (theo mẫu của phòng CTSV) - Giấy chứng nhận hộ nghèo tương ứng với năm xét duyệt hồ sơ (Bản sao có công chứng). - Giấy khai sinh (Bản sao có công chứng). | Nộp hồ sơ theo từng học kỳ |

2. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ:

a. Thời gian nộp hồ sơ: **Học kỳ 1: 01/9-22/9. Học kỳ 2: 01/02-23/02** (Phòng CTSV sẽ thông báo khi có thay đổi về thời gian nộp hồ sơ).

b. Địa điểm nộp: Phòng Công tác sinh viên (Bộ phận chế độ chính sách).

*** Lưu ý:**

- Quá thời gian quy định trên Phòng CTSV sẽ không giải quyết cho bất cứ trường hợp nào.

- Trong quá trình thực hiện, nếu sinh viên có vấn đề thắc mắc xin vui lòng liên hệ chuyên viên Đoàn Thị Phương Thảo qua số điện thoại: 0234.3538032 để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- BCS-BCH các lớp (để thực hiện);
- Các Khoa (để phối hợp);
- Lưu VT, CTSV.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CTSV

(ĐÃ KÝ)

ThS. Thái Doãn Hùng

DANH MỤC VÙNG CAO

DANH MỤC CÁC XÃ THUỘC VÙNG CAO

Các đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) theo trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc(<http://cema.gov.vn>)

Xã vùng cao theo các QĐ số: 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993, 33UB-QĐ ngày 04/06/1993, 08/UB-QĐ ngày 4/3/1994, 64/UB-QĐ ngày 26/8/1995, 68/UB-QĐ ngày 9/8/1997, 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997, 26/QĐ-UB ngày 18/3/1998, 363/2005/QĐ-UBND, 172/2006/QĐ-UBND ngày 7/7/2006, 01/2007/QĐ -UBND, 61/QĐ-UBND ngày 12/3/2009.

TỈNH VÙNG CAO: Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Cao Bằng, Sơn La, Bắc Kạn, Điện Biên

Gia Lai : Tất cả các Xã, phường là vùng cao.

Kon Tum : Tất cả các Xã, phường là vùng cao (trừ phường Thống Nhất, Thắng Lợi, Quang Trung, Quyết Thắng là miền núi);

Đắk Lắk: Tất cả các Xã, phường là vùng cao (trừ xã Hòa Thắng, các phường Tân Lập, Thống Nhất, Thắng Lợi, Thành Công, Tân Thành, Tân Tiến, Tự An là miền núi);

Lâm Đồng: Tất cả các Xã, phường là vùng cao (Trừ huyện ĐạTeh, huyện Cát tiên, thị trấn MaDaGoui là miền núi; chỉ có khu phố 1 thị trấn MaDaGoui là vùng cao)

Đắk Nông: Tất cả các Xã, phường là vùng cao (363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005)

I-TỈNH NINH BÌNH

1.1 Huyện Nho Quan: Các Xã vùng cao: Xã Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long

II-TỈNH THANH HÓA

2.1 Huyện Quan Hóa: Toàn huyện vùng cao

2.2 Huyện Mường Lát: Toàn huyện vùng cao

2.3 Huyện Quan Sơn: Toàn huyện vùng cao

2.4 Huyện Bá Thước: Các xã vùng cao: Lương Ngoại, Thiết Kế, Lương Nội, Lương Trung, Điền Thượng, Hạ Trung, Thành Sơn, Lũng Niêm, Thành Lâm, Kỳ Tân, Cổ Lũng, Lũng Cao, Văn Nho và Điền Hạ.

2.5 Huyện Lang Chánh: Các xã vùng cao: Giao An, Tân Phúc, Trí Nang, Tam Văn, Giao Thiện, Yên Thắng, Yên Khương và Lâm Phú

2.6 Huyện Ngọc Lặc: Các xã vùng cao: Thủy Sơn, Mỹ Tân, Thạch Lập, Cao Ngọc, Văn An

2.7 Huyện Thường Xuân: Các xã vùng cao: Xuân Chinh, Xuân Lộc, Xuân Thắng, Vạn Xuân, Xuân Lê, Xuân Liên, Xuân Mỹ, Xuân Thao, Yên Nhân và Bát Mọt.

2.8 Huyện Như Xuân: Các xã vùng cao: Cát Vân, Hóa Quỳ, Xuân Quỳ, TT Bãi Trành, Cát Tân, Thành Tân, Xuân Thái, Xuân Bình, Thanh Kỳ, Xuân Thọ, Thanh Phong, Thanh Lâm, Thanh Xuân, Thanh Quân, Thanh Sơn, Xuân Hòa, Xã Bãi Trành.

2.9 Huyện Cẩm Thủy: Các Xã vùng cao: Cẩm Phú, Cẩm Long, Cẩm Yên, Cẩm Thạch, Cẩm Thành, Cẩm Châu, Cẩm Lương, Cẩm Quý, Cẩm Giang, Cẩm Liên,

2.10 Huyện Thạch Thành: Các xã vùng cao: Thạch Quảng, Thành Minh, Thạch Lâm, Thành Mỹ, Thạch Tượng và Thành Yên

III-TỈNH NGHỆ AN

3.1 Huyện Kỳ Sơn: Toàn huyện vùng cao

3.2 Huyện Tương Dương: Toàn huyện vùng cao

3.3 Huyện Con Cuông: Huyện vùng cao (Trừ Xã Bồng Khê, TTCon Cuông, Xã Chi Khê, Xã Yên Khê; Bản Thái Sơn, Bản Khe Ló, Làng Xiềng, Làng Căng (Xã Môn Sơn), Bản Mét, Bản Kim Sơn, Bản Tân Hợp(Xã Lục Da) là miền núi

3.4 Huyện Quế Phong: Toàn huyện vùng cao

3.5 Huyện Quỳnh Châu: Huyện vùng cao (Trừ Xã Châu Hạnh, Xã Châu Tiến, TT Quỳnh Châu Là miền núi)

3.6 Huyện Quỳnh Hợp: Các xã vùng cao: Châu Hồng, Châu Thành, Châu Tiến, Châu Lộc, Liên Hợp, Hạ Sơn, Châu Thái, Châu Lý, Bắc Sơn, Nam Sơn.

3.7 Huyện Nghĩa Đàn: Các xã vùng cao: Nghĩa Minh, Nghĩa Yên, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mai, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi và Nghĩa Lạc

3.8 Huyện Tân Kỳ: Các xã vùng cao: Đồng Văn, Tân Hợp, Tiên Kỳ

3.9 Huyện Anh Sơn: Các xã vùng cao: Thọ Sơn và Bản Vều ồ ồ (Xã Phúc Sơn)

3.10 Huyện Thanh Chương: Các xã vùng cao: Thanh Hà, Thanh Thủy, Hạnh Lâm, Thanh Thịnh, Thanh Hương, Thanh Đức.

3.11 Huyện Đô Lương: Các xã vùng cao: Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây

3.12 Huyện Yên Thành: Xã vùng cao: xã Hùng Thành

IV-TỈNH HÀ TĨNH

4.1 Huyện Hương Khê: Các xã vùng cao: Hương Lâm, Hoà Hải, Phú Gia, Vũ Quang;

Thôn vùng cao: Bản Giàng (xã Hương Vinh), Bản Lò Sim (Xã Hương Trạch).

4.2 Huyện Vũ Quang: Xã vùng cao: Xã Hương Quang

V-TỈNH QUẢNG BÌNH

5.1Huyện Tuyên Hóa: Các xã vùng cao: Hương Hoá, Cao Quảng, Ngự Hoá, Kim Hoá, Thuận Hoá, Lâm Hoá, Thanh Hoá, Thanh Thạch.

5.2 Huyện Quảng Trạch: Xã vùng cao: Quảng Hợp

5.3 Huyện Bố Trạch: Các xã vùng cao: Thượng Trạch, Tân Trạch; Bản Rào Con (thuộc xã Sơn Trạch, Bản Khe Ngát (thuộc TT Nông Trường Việt Trung)

5.4 Huyện Quảng Ninh: Các xã vùng cao: Trường Xuân, Trường Sơn

5.5 Huyện Lệ Thủy: Các xã vùng cao: Kim Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy.

5.6 Huyện Minh Hóa: Huyện vùng cao (trừ xã Qui Hóa, Minh Hóa, Trung Hóa Là miền núi)

VI- TỈNH QUẢNG TRỊ

6.1 Huyện Hướng Hóa: Tất cả các xã, TT vùng cao (trừ xã Tân Long, TT Lao Bảo là miền núi);

Bản vùng cao: Ca Túc, Ca Tang, Khe Đá (TT Lao Bảo), Bản Xê Núc (Xã Tân Long)

6.2 Huyện Đak Rông: Tất cả các xã vùng cao (Trừ Xã Hướng Hiệp là miền núi);

Bản vùng cao: Bản Kreng, bản khe Hiên (xã Hướng Hiệp)

6.3 Huyện Vĩnh Linh: Xã vùng cao: Xã Vĩnh Ô; Đảo Cồn cỏ (hải đảo)

VII-TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

7.1 Huyện A Lưới: Tất cả các Xã, TT là vùng cao

VIII-TỈNH QUẢNG NAM

8.1 Huyện Trà My: Tất cả các xã vùng cao (trừ xã Trà Đông, Trà Dương, TT Trà My MN);

Bản vùng cao: Làng Cao Sơn (TT Trà My)

8.2 Huyện Hiệp Đức: Các xã vùng cao: Phước Gia, Phước Trà

8.3 Huyện Phước Sơn: Tất cả các xã vùng cao

8.4 Huyện Nam Giang (Giăng): Tất cả các xã vùng cao

8.5 Huyện Đông Giang (Hiên): Tất cả các xã vùng cao

I X-TỈNH QUẢNG NGÃI

9.1 Huyện Minh Long: Tất cả các xã vùng cao

9.2 Huyện Ba Tơ: Tất cả các xã vùng cao (trừ TT Ba Tơ);

Thôn vùng cao: Thôn Vã Nhân (TT ba Tơ)

9.3 Huyện Trà Bồng: Tất cả các xã vùng cao (trừ Trà Phú, Trà Bình là miền núi)

9.4 Huyện Sơn Tây: Các xã vùng cao: Sơn Tinh, Sơn Tân, Sơn Dung, Sơn mùa, Sơn Lập, Sơn Bua.

9.5 Huyện Sơn Hà: Các xã vùng cao: Sơn Nham, Sơn Cao, Sơn Linh, Sơn Thủy, Sơn Kỳ, Sơn Ba, Sơn Thương, Sơn Bao, TT Di Lăng, Sơn Trung, Sơn Hải.

9.6 Huyện Lý Sơn: Huyện đảo

X-TỈNH BÌNH ĐỊNH

10.1 Huyện An Lão: Các xã vùng cao: An Toàn, An Nghĩa, An Quang, An Dũng, An Vinh và An Hưng.

10.2 Huyện Vĩnh Thạnh: Các xã vùng cao: Vĩnh Sơn, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Kim, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hòa;

Làng vùng cao: làng L3,5,8 (Xã Vĩnh Quang), làng L7 (Xã Vĩnh Hào)

10.3 Huyện Vân Canh: Các xã vùng cao: Canh Liên;

Làng vùng cao: Hà Văn Trên, Kàte, Kờ Bưng (Xã Canh Thuận).

10.4 Huyện Tây Sơn: Các xã vùng cao: Tây Giang, Vĩnh An;

Làng vùng cao: làng M 6 (xã Bình Tân), Làng Hà Nhe (Xã Tây Thuận).

10.5 Huyện Hoài Ân: Các xã vùng cao: Đak Mang, Bok Tới, An Sơn

10.6 TP Quy Nhơn: Xã Hải đảo: Nhơn Hội

XI-TỈNH PHÚ YÊN

11.1 Huyện Sông Hinh: Các xã vùng cao: EaBia, EaTrol, Sông Hinh

11.2 Huyện Sơn Hòa: Các xã vùng cao: Sơn Định, Sơn Hội, Cà Lúi, Phước Tân

11.3 Huyện Đồng Xuân: Các xã vùng cao: Phú Mỹ.

XII-TỈNH KHÁNH HÒA

12.1 Huyện Khánh Vĩnh: Các xã vùng cao: Khánh Bình, Khánh Nam, Khánh Thượng, Khánh Phú, Khánh Thành, Khánh Hiệp, Liên Sang, Giang Ly, Sơn Thái, Cầu Bà

12.2 Huyện Khánh Sơn: Các xã vùng cao: TT Tô Hạp, Sơn Trung, Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình, Sơn Hiệp, xã Ba Cạm Nam.

12.3 Huyện Cam Ranh: Các xã vùng cao: Xã Sơn Tân

12.4 Huyện Diên Khánh: Các xã vùng cao: Xã Suối Tiên

12.5 Huyện Vạn Ninh: Các xã vùng cao: Vạn Phúc, Vạn Lương, Vạn Khánh, Vạn Bình

XIII-TỈNH NINH THUẬN

13.1 Huyện Ninh Sơn: Tất cả xã vùng cao (trừ Tân Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn, Hòa Sơn là miền núi)

13.2 Huyện Ninh Hải: Tất cả các Xã vùng cao

13.3 Huyện Ninh Phước: Các xã vùng cao: Phước Diên, Phước Thái, Phước Hà

XIV-TỈNH BÌNH THUẬN

14.1 Huyện Tuy Phong: Các xã vùng cao: Xã Phan Dũng và Thôn Dân Tộc (Xã Vĩnh Hảo)

14.2 Huyện Bắc Bình: Các xã vùng cao: Phan Điền, Phan Sơn, Phan Lâm;

Bản vùng cao: Thôn Bắc Sơn , Lương Bắc (Xã Lương Sơn), Thôn Cà Giây (Xã Hà iNinh), Thôn Kinh (Xã Sông Lũy), Thôn Hồng Thắng (Xã Hòa Thắng) Thôn An Lạc, An Hòa (Xã Bình An)

14.3 Huyện Tân Lăng: Các xã vùng cao: Măng Tô, Đức Thuận, Đức Bình, Bắc Ruộng, Đồng Kho, La Ngâu.

Thôn vùng cao: Thôn Dân Tộc (Xã Suối Kiết), Thôn Dân Tộc (Xã Măng Tô), Thôn Đồng Me (Xã Đức Thuận), Thôn Dân Tộc (Xã Đức Bình), Thôn Dân Tộc Tà Búra (Xã Đức Phú), Thôn Dân Tộc (Xã Lạc Tánh).

14.4 Huyện Hàm Thuận Bắc: Các xã vùng cao: Thuận Minh, La Dạ, Đông Giang, Đông Tiến, Đa Mĩ;

Thôn vùng cao: Hợp tác xã 3 (Xã Hàm Trí), TĐSX Km 29.34 (Xã Thuận Hòa), Thôn 3, TĐSX Phú Sơn (Xã Hàm Phú), Thôn Ku kê (Xã Thuận Minh), Thôn Ninh Thuận, Thôn 6 (Xã Hành Chính), Thôn 2(Xã Hàm Liên), Thôn 2(Xã Hồng Liêm).

14.5 Huyện Hàm Thuận Nam: Các xã vùng cao: Mỹ Thạnh, Hàm Cần.

Thôn vùng cao: Thôn Dân Thuận (Xã Hàm Thạnh).

XV-TỈNH LẠNG SƠN

15.1 Huyện Cao Lộc: Xã vùng cao: Lộc Yên, Thanh Lòa.

XVI-TỈNH HÒA BÌNH

16.1 Huyện Mai Châu: Xã Tân Sơn

XVII-TỈNH BẮC GIANG

17.1 Huyện Yên Thế: Xã Đồng Tiến

17.2 Huyện Sơn Động: Thị trấn An Châu

XVIII-TỈNH YÊN BÁI

18.1 Huyện Trạm Tấu: Thị trấn Trạm Tấu

18.2 Huyện Mù Căng Chải: Thị trấn Mù Căng Chải

I XX-TỈNH TUYÊN QUANG

19.1 Huyện Na Hang: Xã Xuân Tân, Xuân Tiến

XX-TỈNH QUẢNG NINH

20.1 Huyện Tiên Yên: Xã Đại Thành

20.2 Thị xã Móng Cái: Xã Bắc Sơn

Ghi chú: Truy cập vào trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc: <http://cema.gov.vn> để biết thêm chi tiết.